

Bản án số: 04/2024/KDTM - PT

Ngày 30 - 9 - 2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Trần Văn San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLPT-KDTM ngày 20/8/2024. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 02/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (viết tắt là E); địa chỉ trụ sở chính: Tầng H - Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; *đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Cảnh A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 32, ngày 10/5/2024).

Bên được uỷ quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP X (viết tắt là E); địa chỉ: Số B T, phường F, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; *đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Mạnh T - Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng S - Giám đốc Chi nhánh E tại Hà Nội (Theo giấy uỷ quyền số 34/2024/EIBA/UQ-CT ngày 26/4/2024). Ông Nguyễn Hồng S uỷ quyền lại cho bà Ngô Thị T1 - Chuyên viên E chi nhánh H2 và bà Trương Thị V – Cán bộ E chi nhánh H2 (Theo giấy uỷ quyền số 02/2024/EIBAHN/UQ-GĐ ngày 07/5/2024). Có mặt bà Trương Thị V.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH N; địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp C, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt T2 - Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: A H, thị trấn Y, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng luật sư BQH và Cộng sự; địa chỉ trụ sở: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Văn phòng L1 và Cộng sự ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến T3; địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Ngọc T4 - Luật sư thuộc Văn phòng L1 và Cộng sự; địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Thâm C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số H, H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố số E, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; đồng thời có địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Đường Ngọc D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố số E, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; đồng thời có địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Công ty Cổ phần N; địa chỉ trụ sở: Lô A - CN5 - Cụm C, xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Đường Ngọc D, sinh năm 1978 - Chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng luật sư BQH và cộng sự; địa chỉ trụ sở: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội; Văn phòng L1 và Cộng sự ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến T3; địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số D H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố số E, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; đồng thời có địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Dương Minh T5, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1991; địa chỉ: Tô dân phố số E, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; đồng thời có địa chỉ: Số D, tầng D, Tòa D, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP X (viết tắt là E) và Công ty TNHH N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Ngân hàng TMCP X chi nhánh B (viết tắt là E) và Công ty N đã ký kết 02 Hợp đồng tín dụng gồm:

- *Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Số 1700-LAV-220076752 ngày 30/08/2022*

+ Số tiền: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).

+ Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 29/8/2023.

+ Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng cửa nhựa, thanh nhựa, tấm ốp, nẹp...

+ Biện pháp bảo đảm: Đối với phần hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng đảm bảo bằng tiền gửi tại Ngân hàng E, phần hạn mức tín dụng còn lại là 40.000.000.000 đồng không có tài sản đảm bảo.

+ Thời hạn các khế ước nhận nợ: 05 tháng kể từ ngày giải ngân.

+ Lãi suất: theo quy định của E tại từng thời điểm giải ngân.

+ Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

+ Thời hạn trả nợ gốc lãi: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

* Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, E đã giải ngân (cho vay) cho Công ty N thông qua 12 khế ước (Văn bản cam kết), cụ thể:

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 220000959 ngày 05/12/2022; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 6.760.070.540 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 05/12/2022 đến 05/5/2023; lãi suất vay: 10,4%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn khoản vay. Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000008 ngày 06/01/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 578.334.870 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 06/01/2023 đến 06/6/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000021 ngày 11/01/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 4.040.626.370 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 11/01/2023 đến 11/6/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700- LDS - 230000024 ngày 12/01/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 2.495.417.650 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 12/01/2023 đến 12/6/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000033 ngày 13/01/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 2.606.439.110 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 13/01/2023 đến 13/6/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000035 ngày 16/01/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 2.407.931.900 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 16/01/2023 đến 16/6/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn khoản vay. Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000038 ngày 17/01/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 1.150.000.000đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 17/01/2023 đến 17/6/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn khoản vay. Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000048 ngày 02/02/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 172.605.600 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 02/02/2023 đến 02/7/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000056 ngày 08/02/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 360.219.440 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 08/02/2023 đến 08/7/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn khoản vay. Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000057 ngày 08/02/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 4.986.545.300 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 08/02/2023 đến 08/7/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000060 ngày 09/02/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 2.552.242.550 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 09/02/2023 đến 09/7/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn khoản vay. Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000061 ngày 09/02/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 174.636.000 đồng; thời gian vay: 05 tháng từ 09/02/2023 đến 09/7/2023; lãi suất vay: 10,9%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc 1 lần khi đáo hạn khoản vay. Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là (Bảo lãnh): Ngày 30/8/2022, Ông Bùi Thắm C (Giám đốc) ký Văn bản bảo lãnh, ngày 10/02/2022 ông Nguyễn Bá H (Chủ tịch Công ty) ký Văn bản bảo lãnh với Ngân hàng cam kết thực hiện nghĩa trả nợ cho Công ty Cổ phần N theo hợp đồng tín dụng (bên được bảo lãnh). Theo đó, bên bảo lãnh cam kết giao toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh không hủy ngang cho Công ty N trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết đang còn hiệu lực và các Hợp đồng sẽ ký kết trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm do chậm trả lãi, phí, các khoản phải trả khác.

- *Hợp đồng tín dụng thứ 2: Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-230030510 ngày 21/04/2023.*

+ Số tiền: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). Hạn mức này bao gồm toàn bộ dư nợ vay, số dư bảo lãnh, L/C thuộc HMTD hiện tại của Công ty tại E.

+ Thời hạn: Từ ngày 21/4/2023 đến 20/4/2024.

+ Mục đích: Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ.

+ Biện pháp bảo đảm: *Không có tài sản đảm bảo.*

+ Thời hạn các khế ước nhận nợ: 05 tháng kể từ ngày giải ngân.

+ Lãi suất: theo quy định của E *tại từng thời điểm giải ngân.*

+ Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

* Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, E đã giải ngân cho Công ty N qua 02 khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000233 ngày 21/4/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 5.053.864.420 đồng; thời gian vay: 06 tháng từ 21/4/2023 đến 21/10/2023; lãi suất vay: 11,4%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số 1700 - LDS - 230000234 ngày 21/4/2023; Công ty N có vay của E số tiền gốc là: 9.594.522.850 đồng; thời gian vay: 06 tháng từ 21/4/2023 đến 21/10/2023; lãi suất vay: 11,4%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là (Bảo lãnh): Ngày 21/4/2023, ông Đường Ngọc D (chức vụ Tổng giám đốc) và ông Dương Minh T5 (Giám đốc) ký Văn bản bảo lãnh với Ngân hàng cam kết thực hiện nghĩa trả nợ cho Công ty Cổ phần N theo hợp đồng tín dụng (bên được bảo lãnh). Theo đó, bên bảo lãnh cam

kết giao toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh không hủy ngang cho Công ty TNHH N trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết đang còn hiệu lực và các Hợp đồng sẽ ký kết trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm do chậm trả lãi, phí, các khoản phải trả khác.

Ngân hàng TMCP X có ý kiến như sau:

E đã thực hiện giải ngân đầy đủ theo các Khế ước nhận nợ cho Công ty N nhưng Công ty chỉ trả được một phần khoản nợ là 3.790.371.238 đồng tiền gốc và 893.967.813 đồng tiền lãi. Số tiền còn lại Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/7/2024, Công ty N còn nợ E số tiền là: Nợ gốc 39.143.085.362 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.233.987.138 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.321.179.200 đồng; Lãi chậm trả lãi: 121.961.585 đồng. Tổng cộng còn nợ số tiền là 46.820.213.285 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Buộc Công ty N phải trả cho E toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi, các khoản phát sinh liên quan theo H1 đồnggvtín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/7/2024) số tiền là 46.820.213.285 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho E, E yêu cầu buộc Công ty Cổ phần N, ông Bùi Thâm C, Ông Đường Ngọc D, ông Nguyễn Bá H, ông Dương Minh T5 là các bên bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty N phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty N khi mất khả năng trả nợ.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

Hiện nay, Công ty N còn nợ E tổng số tiền gốc là 39.143.085.362 đồng, còn đối với số tiền lãi của Công ty đề nghị Ngân hàng E tính đúng lại theo lãi suất quy định.

Về bảo lãnh: Khi vay các khoản vay của Ngân hàng thì Công ty N chỉ có sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần N. Còn đối với ông Nguyễn Bá H ký văn bản bảo lãnh với tư cách là chủ tịch công ty đang đại diện chủ sở hữu là Công ty cổ phần N hoặc nhân danh Công ty N ký bảo lãnh khoản vay của Công ty N theo đúng thẩm quyền của chủ tịch công ty, ông Bùi Thâm C ký với tư cách là người đại diện theo pháp luật công ty (Giám đốc), ông Đường Ngọc D ký văn bản bảo lãnh với tư cách là chủ tịch công ty công ty, ông Dương Minh T5 ký văn bản bảo lãnh với tư cách là đại diện theo pháp luật công ty (Giám đốc theo hợp đồng lao động), các văn bản bảo lãnh đã ký không phải là tư cách cá nhân bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ mà là cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp. Công ty N chưa bao giờ có văn bản đồng ý có các cá nhân trên sử dụng tài sản cá nhân của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của công ty tại E. Do Công ty N sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc,

lãi, tiền phạt. Nếu Công ty N không trả được thì đồng ý Công ty cổ phần N sẽ có trách nhiệm trả thay cho Công ty N và Công ty N từ chối tất cả nghĩa vụ bảo lãnh cá nhân của ông H, ông C, ông D, ông T5 đối với các khoản vay của Công ty N.

Vì vậy, Công ty N không yêu cầu ông H, ông C, ông D, ông T5 phải có nghĩa vụ đối với các khoản vay tại E của Công ty khi Công ty không có khả năng trả nợ cho E.

Đối với Công ty cổ phần N: Các hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-220076752 ngày 30/08/2022 và Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-230030510 ngày 21/04/2023 ký kết giữa Công ty N và E là không đúng quy định của pháp luật vì vào thời điểm ký kết 02 hợp đồng tín dụng trên ông Bùi Thâm C và ông Dương Minh T5 chưa có văn bản uỷ quyền nào chấp thuận của chủ sở hữu Công ty N là Công ty cổ phần N cho ông Bùi Thâm C và ông Dương Minh T5 ký kết các văn bản liên quan với E nên đề nghị tuyên bố các hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-220076752 ngày 30/08/2022 và Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-230030510 ngày 21/04/2023 là vô hiệu. Còn việc Công ty N ký văn bản bảo lãnh cho khoản vay của chính mình là vô hiệu. Vì vậy, Công ty cổ phần N đề nghị Toà án xem xét các văn bản bảo lãnh là vô hiệu.

Vì vậy, đề nghị Toà án không chấp nhận bất cứ nghĩa vụ cá nhân nào của Bùi Thâm C, ông Đường Ngọc D, ông Dương Minh T5, ông Nguyễn Bá H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH N đối với khoản vay tại E của Công ty N.

* Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68; 144; 147; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117; 119; 274; 280; 292; 293; 335; 336; 339; 342; 343; 357; 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 4 của Luật thương mại 2005; các Điều 90; 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số: 08/2016/AL-HĐTP/TANDTC về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của E về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả nợ cho E số tiền tính đến ngày 11/7/2024 là: Nợ gốc: 39.143.085.362 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.233.987.138 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.321.179.200 đồng; Lãi chậm trả lãi: 121.961.585 đồng. Tổng cộng: 46.820.213.285 đồng (bốn mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm mười ba nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức

lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Công ty TNHH N tiếp tục phải thanh toán tiền lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-220076752 ngày 30/08/2022 và Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-230030510 ngày 21/04/2023 và các kế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên cho đến ngày Công ty TNHH N thực tế thanh toán hết nợ cho E.

- Trong trường hợp Công ty TNHH N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho E, thì E có quyền yêu cầu Công ty cổ phần N có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH N theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Bác yêu cầu ông Bùi Thâm C, ông Đường Ngọc D, ông Dương Minh T5, ông Nguyễn Bá H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH N trong trường hợp Công ty TNHH N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho E.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định:

- Ngày 18/7/2024, Ngân hàng TMCP X kháng cáo cho rằng ông Nguyễn Bá H, ông Bùi Thâm C, ông Đường Ngọc D, ông Dương Minh T5 ký Văn bản bảo lãnh là tự nguyện không trái pháp luật nên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty N khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của E, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng “Trường hợp Công ty TNHH N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thanh toán nợ, bên bảo lãnh là công ty Cổ phần N, ông Nguyễn Bá H, ông Bùi Thâm C, ông Đường Ngọc D, ông Dương Minh T5 (04 ông) có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng theo các văn bản bảo lãnh đã ký kết”.

- Ngày 19/7/2024, Công ty TNHH N kháng cáo với nội dung:

+ Lãi suất cho Công ty TNHH N vay là “Lãi suất cơ sở được công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh” nhưng E không có tài liệu hợp lệ chứng minh lãi suất cơ sở là bao nhiêu.

+ Bản án sơ thẩm chấp nhận số tiền lãi chậm trả lãi (10%/năm) là không đúng theo quy định khoản 01, Điều 12 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. “*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý 01 lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”. Vì vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận số tiền chậm trả lãi và làm rõ yêu cầu kháng cáo về số tiền lãi công ty TNHH N phải trả cho E.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Công ty TNHH N rút toàn bộ kháng cáo.

- Ngân hàng TMCP X kháng cáo cho rằng ông Nguyễn Bá H, ông Bùi Thâm C, ông Đường Ngọc D, ông Dương Minh T5 ký Văn bản Bảo lãnh là tự nguyện, không trái pháp luật nên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty N khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Và thừa nhận hợp đồng tín dụng giữa E và Công ty TNHH N có nội dung “*phần hạn mức tín dụng còn lại là 40.000.000.000 đồng không có tài sản đảm bảo*” nên không có thông báo xử lý tài sản bảo đảm đối với 04 người bảo lãnh nêu trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa Công ty TNHH N rút toàn bộ kháng cáo. Vì vậy, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này theo Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đối với yêu cầu kháng cáo: Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ngân hàng TMCP X. Đề nghị giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng TMCP X (E) không được chấp nhận và Công ty TNHH N rút kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP X (nguyên đơn), Công ty TNHH N (bị đơn) trong thời hạn luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa Công ty TNHH N đã rút toàn bộ kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (E) kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Bá H, ông Bùi Thâm C, ông Đường Ngọc D, ông Dương Minh T5 ký văn bản bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty N khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng.

Xét, Ngân hàng TMCP X và Công ty N ký kết Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-220076752 ngày 30/08/2022 và Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-230030510 ngày 21/04/2023 là tự nguyện nên có hiệu lực đối với các bên. Tại Điều 8 của các hợp đồng tín dụng có nội dung như sau “*Tài sản bảo đảm đối với phần hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng đảm bảo bằng tiền gửi tại Ngân hàng E; Đối với phần hạn mức tín dụng còn lại là 40 tỷ đồng: E cấp hạn mức tín dụng không tài sản đảm bảo*”. Như vậy, một phần Hợp đồng tín dụng cả bên cho vay và bên vay tài sản đều xác định không tài sản đảm bảo.

Ông Đường N, ông Bùi Thâm C, ông Nguyễn Bá H và ông Dương Minh T5 ký Văn bản bảo lãnh nhưng không rõ đối tượng tài sản bảo đảm nghĩa vụ giá trị là bao nhiêu, tài sản bảo đảm là gì nên không có cơ sở xác định đối tượng của tài sản bảo đảm là gì nên không có căn cứ để xử lý thu hồi nợ theo quy định tại Điều 295, 300 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, tại thời điểm ông Đường N, ông Bùi Thâm C, ông Nguyễn Bá H, ông Dương Minh T5 ký văn bản bảo lãnh với E thì họ đang là người quản trị công ty với tư cách là chủ tịch, giám đốc công ty nên đây là cam kết của lãnh đạo công ty đối với hợp đồng tín dụng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP X về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cá nhân đối với Hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH N rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% án phí phúc thẩm. Kháng cáo của Ngân hàng TMCP X không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty TNHH N.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP X (E). Và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý (Về phần bảo lãnh cá nhân liên quan đến kháng cáo).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP X (E) phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), đối trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý theo Biên lai số 0000444 ngày 31/7/2024, đã nộp xong.

Công ty TNHH N phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0000450 ngày 02/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, còn được hoàn lại 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trường